

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC A
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07-7-2025

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC A - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đỗ Duy Văn.

2/ Bà Trương Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đình Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực A - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 149/2025/HNGĐ-ST ngày 04 tháng 4 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2025/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hồng G, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Số A, đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Số A, đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: Số C, đường D, khu phố E, phường Hiệp A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Số C, đường D, khu phố E, phường Phú A, Thành phố Hồ Chí Minh). Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

2. *Bị đơn:* Ông Trương Hoàng K, sinh năm 1981; địa chỉ thường trú: Số A, đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Số A, đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh); tạm trú: Số C, đường D, khu phố E, phường Hiệp A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Số C, đường D, khu phố E, phường Phú A, Thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 03/3/2025 và quá trình giải quyết, bà Trần Thị Hồng G là nguyên đơn trình bày:

Bà Trần Thị Hồng G và ông Trương Hoàng K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau vào năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2014 ngày 28/3/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa chỉ Số A, đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Số A, đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh). Đến năm 2021, ông K, bà G chuyển đến Số C, đường D, khu phố E, phường Hiệp A, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Số 03, đường ĐX 100, khu phố 5, phường Phú An, Thành phố Hồ Chí Minh) sinh sống cho đến nay.

Quá trình chung sống, giữa bà G và ông K có phát sinh mâu thuẫn nhưng không lớn, tuy nhiên, từ năm 2023, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng không hòa hợp, ông K cờ bạc gây ra nợ nần. Bà G đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông K vẫn không thay đổi, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn. Hiện tại, mặc dù sống chung nhà, nhưng việc ai nấy làm, không còn quan tâm đến nhau.

Nay bà G nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà G được ly hôn với ông Trương Hoàng K. Về con chung, bà G và ông K có 02 con chung tên Trần Hoài B, sinh ngày 05/02/2003 và Trương Hoàng K, sinh ngày 09/6/2010. Đối với cháu Trần Hoài B, sinh ngày 05/02/2003 là do thời điểm sinh cháu Bảo, bà G và ông K chưa đăng ký kết hôn nên cháu Bảo mang họ của mẹ. Cháu Bảo hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trương Hoàng K, sinh ngày 09/6/2010, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Công việc của bà G là buôn bán, thu nhập hàng tháng khoảng 20.000.000 đồng/tháng, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trương Hoàng K tại nơi cư trú, lý do ông K thường xuyên đi vắng trong giờ hành chính. Theo kết quả xác minh tại Công an phường Hiệp A xác định ông Trương Hoàng K, sinh năm 1981 có đăng ký tạm trú và hiện đang sinh sống tại địa chỉ số C, đường D, khu phố E, phường Hiệp A, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt văn bản tố tụng cho ông K theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Hiệp A và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông K không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn và cũng không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện như đơn khởi kiện đã nộp. Đồng thời, ngày 03/7/2025, nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Về phía bị đơn ông Trương Hoàng K vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng G đối với bị đơn ông Trương Hoàng K về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 03/7/2025, bà Trần Thị Hồng G là nguyên đơn trong vụ án có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Trương Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, nhưng ông K vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng G và ông Trương Hoàng K tự nguyện tìm hiểu và kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Định H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là Ủy ban nhân dân phường C, Thành phố Hồ Chí Minh), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyển số 01/2014 ngày 28/3/2014 của Ủy ban nhân dân phường Định Hòa là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2023, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không còn hạnh phúc. Dù cả hai đã nhiều lần hòa giải với mong muốn vợ chồng cùng nhau hàn gắn hạnh phúc gia đình, chăm sóc con chung, nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Hiện nay, dù cả hai vẫn sống chung nhà, nhưng việc ai nấy làm, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm đến nhau. Bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa bà và ông K đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, bà G vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông K. Về phía bị đơn ông Trương Hoàng K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông K không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà G và ông K đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hồng G đối với ông Trương Hoàng K là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà G và ông K có 02 con chung tên Trần Hoài B, sinh ngày 05/02/2003 và Trương Hoàng K, sinh ngày 09/6/2010. Đối với cháu Trần Hoài B, sinh ngày 05/02/2003 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trương Hoàng K, sinh ngày

09/6/2010. Xét thấy, bà G có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết, cháu K2 trình bày ý kiến hiện cháu K2 đang sống với bà G, do bà G trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu K2 có nguyện vọng được sống với mẹ ruột tên Trần Thị Hồng G trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Trương Hoàng K, sinh ngày 09/6/2010 cho bà Trần Thị Hồng G tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng G đối với bị đơn ông Trương Hoàng K về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Hồng G được ly hôn với ông Trương Hoàng K.

- Về con chung:

+ Đối với cháu Trần Hoài B, sinh ngày 05/02/2003 đã trên 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Đối với cháu Trương Hoàng K, sinh ngày 09/6/2010: Giao con chung là cháu Trương Hoàng K, sinh ngày 09/6/2010 cho bà Trần Thị Hồng G trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Hồng G phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số BLTU/24 – 0009418 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực A).

3. Nguyên đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực A - Tp. HCM;
- THADS Tp. Hồ Chí Minh;
- UBND phường C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung